

III- ÔN LẠI MỘT SỐ TỪ NGỮ

- ◆ TỪ ĐƠN - TỪ GHÉP - TỪ LÁY
- ◆ TỪ TƯỢNG THANH - TỪ TƯỢNG HÌNH
- ◆ TỪ HÁN VIỆT

1- TỪ ĐƠN là từ như thế nào?

Những từ do một tiếng có ý nghĩa tạo thành được gọi là từ đơn như: sông, núi, đứng, ngồi, đói, no... Những từ vừa kể là từ đơn ĐƠN ÂM và cũng có từ đơn ĐA ÂM như: tắc kè, kỳ đà, ễnh ương... đó là những từ thuần Việt, cũng có những từ mượn tiếng nước ngoài như: cà phê, căng tin, câu lạc bộ, ban công, lan can v.v....

2- TỪ GHÉP là từ như thế nào?

Những từ gồm hai, ba hoặc bốn tiếng ghép lại để tạo thành một ý nghĩa chung gọi là từ ghép như: nhà cửa, xe cộ, đi lại, quần áo, xấu tốt, non sông, máy điện toán, huấn luyện viên, phi hành đoàn, hàng không mẫu hạm...

3- Những từ như: thịt bò, thịt gà, xe đạp, xe hơi, xe bò, xe cần cẩu v.v... có phải là từ ghép không?

Phải, đó là những từ ghép có dạng phân loại. Tiếng Việt có rất nhiều từ ghép kiểu này, trong đó có một từ chung và một từ phân loại kể cũng tiện, không như tiếng Anh, gọi bò là cow, thịt bò là beef, pig là heo, nhưng thịt heo lại gọi là ham v.v...Còn có một dạng từ ghép nữa như: ăn mặc, nhà cửa, xe cộ, hoa quả...những từ ghép dạng tổng hợp này tạo thành một nghĩa tổng hợp khác với nghĩa riêng của mỗi từ trong từ ghép.

4- Làm thế nào để phân biệt được một TỪ GHÉP với một CỤM TỪ?



Theo định nghĩa, từ *ghép* là một đơn vị ngôn ngữ đã được công nhận và đã được ghi lại trong từ điển. Cụm từ là một cấu trúc trong câu để diễn tả cho rõ thêm về điều mình muốn nói. Ví dụ: xe hơi, xe lửa, thịt bò là từ ghép, còn xe cũ, xe mới, xe cà rịch cà tàng, thịt bò dai như đĩa v.v...là cụm từ

Nhận xét từ *áo dài* trong hai câu dưới đây, câu nào là từ ghép, câu nào là cụm từ?

a- Chị may cái áo dài này ở đâu vậy?

b- Cái áo dài này của chị, còn cái áo ngắn là của tôi.

Trong câu (a) từ *áo dài* là từ ghép, còn trong câu (b) lại là một cụm từ. Vì trong câu (b) từ *áo dài*, *áo ngắn* diễn tả cho rõ thêm về hai cái áo chứ không nói về một loại áo của phụ nữ Việt Nam là cái *áo dài* như trong câu (a).

5- TỪ LÁY là từ như thế nào?

Giải thích một cách đơn giản thì từ láy là những từ có hai tiếng (*), trong đó nhiều nhất là 1 tiếng có nghĩa và trong 2 tiếng đó có một sự lặp lại hao hao về thanh điệu, về âm đầu, âm cuối (vần) ví dụ như:

- *Láy thanh điệu*: xinh xinh, đo đỏ, xam xám.

- *Láy âm đầu*: vồn vã, vui vẻ, tròn trịa.

- *Láy âm cuối*: lấm lấm, lỉnh kỉnh, lách tách

Trong dạng láy âm cuối còn có sự biến đổi theo quy tắc sau:

a- Âm cuối M-P: răm rắp, bồm bộp, thiêm thiếp.

b- Âm cuối N-T: chan chát, khin khít, sồn sột

c- Âm cuối NG&NH-C&CH: vàng vạc, rùng rục, chênh chéch.



Ghi chú: (*) Có một số từ láy nhiều hơn 2 tiếng chẳng hạn như: sạch sành sanh, khít khìn khịt, tơ lơ mơ, hót ha hót hải, mù mà mù mờ, hì hà hì hục v.v...cũng chỉ là sự biến thể của từ láy 2 tiếng.

6- TỪ TƯỢNG THANH và TỪ TƯỢNG HÌNH có phải là từ láy không?

Phải, hầu hết từ tượng thanh và từ tượng hình là những từ nhờ “láy” mà diễn đạt cái thanh âm, cái hình ảnh. Trong tiếng Việt ta thấy nhiều vô kể. Ví dụ như:

- Từ tượng thanh: bôm bốp, rầm rập, xào xạc, leng keng, lách tách...

- Từ tượng hình: lêu nghêu, ngất nga ngất ngưỡng, quăn queo, ngoằn ngoèo...

7- Tại sao lại gọi là TỪ HÁN VIỆT?

Từ Hán Việt là những từ ngữ gốc chữ HÁN đã du nhập vào Văn học nước ta từ thời Bắc thuộc đến nay và đã được người Việt dùng rất nhiều trong mọi lãnh vực, nhất là trong văn chương, chính trị, ngoại giao, thương mại và các ngành khoa học, kỹ thuật. Vì rất hữu dụng và quá quen thuộc nên chúng ta đã “đồng hóa” thành ngôn ngữ của ta và làm văn học của ta phong phú thêm gấp bội phần. Như ngay trong đoạn văn này, có hơn một nửa là từ gốc Hán. Thế nên có rất nhiều từ, quen thuộc đến độ dù có để ý cũng khó mà biết được là gốc Hán. Và cũng có rất nhiều từ, chúng ta phải tra cứu cẩn thận mới hiểu được ý nghĩa của từ đó.

8- Một cách đại cương, từ Hán Việt là từ như thế nào? Cách dùng có quy luật gì không?

Nhờ cách kết cấu của từ gốc Hán khác với từ thuần Việt nên ta cũng dễ nhận ra những từ ghép gốc Hán trong một câu. Ví dụ: từ “huyền đai”, ta thấy, “huyền” là



tính từ chỉ màu sắc đứng trước danh từ “đai”, cấu trúc này cũng giống như Anh ngữ “black belt”. Còn theo “kiểu ta” thì nói là “đai đen”.

Nói về quy luật, trước kia các từ ghép gốc Hán có một gạch nối giữa 2 âm tiết, và khi cần viết hoa, chỉ viết hoa âm đầu, nhưng bây giờ rất ít người còn giữ quy luật gạch nối vì sự rườm rà, phức tạp. Quy định về cách ghép từ, Hán ghép với Hán, Nôm ghép với Nôm cũng mai một dần, ví dụ như từ “đai đen” kể trên chẳng hạn, “đai” là từ gốc Hán, “đen” là từ gốc Việt. Ghép lẫn lộn kiểu “đai đen”, thì nghe cũng còn xuôi tai, nhưng ghép cái kiểu: “chiến sĩ gái”, “linh thủy đánh bộ”, “ngân hàng nhà nước”, “người phát ngôn” v.v... quả là hơi nham nhở một tí! Vì những từ gốc Hán và từ thuần Việt đã được dùng xen kẽ, lẫn lộn với nhau như vậy, thế nên, dùng chính xác các từ gốc Hán không phải chuyện đơn giản.

Có một số từ ghép ta có thể hoán đổi vị trí của 2 âm tiết mà ý nghĩa vẫn không thay đổi. Ví dụ như: *chung thủy / thủy chung, bảo đảm / đảm bảo, đấu tranh / tranh đấu, kỳ diệu / diệu kỳ* v.v...

Trái lại, có một số từ ghép mà nếu ta đảo ngược vị trí trước sau thì nghĩa lại khác hẳn, như: *bộ hạ / hạ bộ, hợp tác / tác hợp, quan khách / khách quan, chuyên chính / chính chuyên, thực hiện / hiện thực* v.v...

